

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1 - 2
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3 - 4
Bảng danh mục chữ viết tắt	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6 - 11
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12 - 85
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12 - 13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13- 85
I. Tiêu chuẩn đánh giá Mức 1, Mức 2 và Mức 3	
Tiêu chuẩn 1	13 - 40
Tiêu chí 1	14 - 16
Tiêu chí 2	16 - 18
Tiêu chí 3	18 - 21
Tiêu chí 4	21 - 24
Tiêu chí 5	24 - 26
Tiêu chí 6	27 - 29
Tiêu chí 7	30 - 32
Tiêu chí 8	32 - 34
Tiêu chí 9	34 - 36
Tiêu chí 10	37- 40
Tiêu chuẩn 2	41 - 50
Tiêu chí 1	41 - 43
Tiêu chí 2	44 - 47
Tiêu chí 3	48 - 50
Tiêu chuẩn 3	50 - 64
Tiêu chí 1	50 - 53
Tiêu chí 2	53 - 55
Tiêu chí 3	55- 57

Tiêu chí 4	57 - 59
Tiêu chí 5	59 - 62
Tiêu chí 6	62- 64
Tiêu chuẩn 4	65 - 72
Tiêu chí 1	65 - 68
Tiêu chí 2	69 - 72
Tiêu chuẩn 5	73- 85
Tiêu chí 1	73- 76
Tiêu chí 2	77- 79
Tiêu chí 3	80 - 82
Tiêu chí 4	83 - 84
III. KẾT LUẬN CHUNG	86 - 89
Phần III. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X		
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 1.1		X		
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		X	X	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	x	
Tiêu chí 3.2		X	x	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	x	
Tiêu chí 3.5		X		
Tiêu chí 3.6		X	x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	x	
Tiêu chí 4.2		X	x	

Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	x	
Tiêu chí 5.2		X	x	
Tiêu chí 5.3		X	x	x
Tiêu chí 5.4		X	x	x

Kết quả: Không Đạt

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Đạt mức 1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Nội dung	Ký hiệu viết tắt
1	Chủ tịch công đoàn	CTCB
2	Giáo dục và đào tạo	GD&ĐT
3	Giáo dục Mầm non	GDMN
4	Hội đồng nhân dân	HĐND
5	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	TNCSHCM
6	Ủy ban nhân dân	UBND
7	Ứng dụng công nghệ thông tin	ƯDCNTT
8	Xã hội hoá giáo dục	XHHGD
9	Đồ dùng đồ chơi	ĐDĐC
10	Phụ huynh học sinh	PHHS
11	Ban giám hiệu	BGH
12	Vệ sinh an toàn thực phẩm	VSATTP
13	Cơ sở vật chất	CSVC
14	Đại diện cha mẹ học sinh	ĐDCMHS

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Hoa Mai, phường Quang Trung, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Nam Định.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương		Họ và tên Hiệu trưởng	Trần Thị Thanh Huyền
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành Phố Nam Định	Điện thoại trường	0944.887.526
Xã / phường/thị trấn	Quang Trung	Fax	
Đạt CQG		Website	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2019	Số điểm trường	2
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo số liệu tính đến ngày 30/5/2023)

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2024-2025
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ	0	0	0	0	0

13 đến 24 tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	4	4	3	4	4
Số lớp mẫu giáo 5- 6 tuổi	4	4	4	4	4
Cộng	12	12	11	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường (số liệu tính đến ngày 30/5/2024)

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	0	0	0	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG: số liệu tính đến ngày 30/5/2024)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01				01	
Phó Hiệu trưởng	02	02				02	
Giáo viên	25	25		0	04	21	
Nhân viên	08	06		07	01		
...							
Cộng	36	34		07	05	24	

b) Số liệu của 5 năm gần đây: số liệu tính đến ngày 30/5/2024)

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	22	24	24	26	25
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên(đối với	12,5	12,5	11,2	9,5	11

	nhóm trẻ)					
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	10,41	9,6	8,95	9,37	9,71
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)					
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Trẻ em: Số liệu chung số liệu tính đến ngày 30/5/2024)

T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ	300	280	260	263	248	
2	em						
	- Nữ	148	135	120	134	120	

3	- Dân tộc	0	0	0	0			
4	Đối tượng chính sách	2	1	1	1			
5		Khuyết tật	0	0	0	0		
		Tuyển mới	20	52	50	70	60	
		Học 2 buổi/ngày	300	280	260	263	248	
6		Bán trú	300	280	260	263	248	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	25	23,3	23,6	22	20		
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	25	25	22	19	22		
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0		
10	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0		
11	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	50	50	45	38	44		
12	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	60	43	47	50	49		
13	- Trẻ em từ	90	87	78	84	75		

	4-5 tuổi						
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	110	100	90	91	80	
14	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0		
15	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0		

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 09/05/2019 của UBND thành phố Nam Định về việc sáp nhập Trường MN Hoa Mai và Trường MN Số 3 thành trường mầm non Hoa Mai Phường Quang Trung Thành phố Nam Định. Từ khi sáp nhập đến nay trường mầm non Hoa Mai luôn giữ vững là đơn vị trường Tiên tiến, thành tích năm sau luôn cao hơn năm trước.

Trường có 02 điểm trường với 12 nhóm, lớp và 248 học sinh. Trong những năm qua Trường mầm non Hoa Mai luôn chấp hành và triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối về Giáo dục mầm non của Đảng và Nhà nước, đã và đang từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, khẳng định được uy tín của nhà trường với cấp trên và với phụ huynh học sinh. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ, có 2 đồng chí cán bộ, được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Trong các năm gần đây, chất lượng của nhà trường luôn giữ vững ở mức 90% - 95% trẻ đạt ở mức khá, giỏi, tỷ lệ trẻ được nuôi ăn bán trú đạt 100%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm dưới 2%. Hiện nay, trường có 36 CBGVNV, trong đó có BGH 3 đồng chí, 25 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 4 nhân viên nuôi dưỡng, 3 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên kế toán. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn là 100%. Trường có Chi bộ Đảng với 13 Đảng viên. Chi bộ nhà trường luôn được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh, năm 2023 chi bộ được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh. Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Ban ĐDCMHS đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong từng năm học.

Nhà trường đã tích cực thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*” cuộc vận động “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”. Giữ vững thành tích đã đạt được, nhà trường đã phát triển toàn diện, vững chắc trong những năm học qua, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

Thực hiện thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Mầm non Hoa Mai đã xác định rõ mục đích của công tác kiểm định chất lượng giáo dục nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Từ mục đích đó nhà trường đã tiến hành thành lập Hội đồng tự đánh giá; Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; Viết báo cáo tự đánh giá và công bố báo cáo tự đánh giá để toàn thể CBGVNV trong đơn vị thấy rõ thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường theo yêu cầu đánh giá các tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã qui định. Trên cơ sở đó, nhà trường nêu ra kế hoạch và các giải pháp cải tiến để khắc phục những hạn chế yếu kém về các tiêu chí của từng tiêu chuẩn để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động, lĩnh vực công tác của nhà trường ngày một tốt hơn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2 VÀ MỨC 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non Hoa Mai có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn của trường hoạt động tích cực. Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục toàn diện cho trẻ được tiến hành nền nếp, khoa học, với sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong trường. Chế độ thông tin và báo cáo thực hiện nghiêm túc. Hằng năm công tác tập huấn, học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai thường xuyên, nghiêm túc, hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường:

Nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. H1-1.1- 01].

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Nam Định phê duyệt.

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026 được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường để toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường và các bậc cha mẹ học sinh được biết và tham gia góp ý. [H1-1.1- 02].

Mức 2

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển như: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025 - 2026, giao nhiệm vụ cho các thành viên có trách nhiệm chỉ đạo và phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến thực hiện phương hướng, chiến lược; giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả việc thực hiện mục tiêu phát triển theo kế hoạch đề ra. [H1-1.1- 03].

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng:

Định kỳ hàng năm Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện từ đó điều chỉnh, bổ sung để kế hoạch đạt được mục tiêu của nhà trường trong năm học và cả giai đoạn. [H1-1.1- 04].

2. Điểm mạnh:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường định hướng cho sự xây dựng và phát triển Giáo dục của nhà trường đúng hướng trong giai đoạn từ năm học 2021 – 2022 đến năm học 2025 - 2026, xác định được những mục tiêu cụ thể, các biện pháp dài hạn trong cả giai đoạn giúp cho nhà trường có sự điều chỉnh hợp lý kế hoạch hàng tháng, hàng năm đã xây dựng.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, CMHS và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường bằng hình thức công khai tại nhà trường.

Ban chỉ đạo thực hiện tốt việc giám sát hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, có sự bổ sung điều chỉnh phù hợp với điều kiện của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì việc định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng nhà trường theo từng năm học.	BGH, GV		Trong các năm học	
Tăng cường tuyên truyền tới các cá nhân, tổ chức, các ban ngành đoàn thể về ý nghĩa, mục đích, tầm quan trọng và nội dung của kế hoạch phương hướng chiến lược xây dựng nhà trường.	BGH, GV	Hệ thống loa truyền thanh, Hệ thống máy tính kết nối internet	Trong các năm học	
Thường xuyên cập nhật những văn bản được phép công khai, công bố lên website để các tổ chức, cá nhân được biết.	BGH, GV thành thạo máy tính	Hệ thống máy tính được kết nối internet, cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng	Trong năm học tới	

		thành thạo CNTT		
--	--	--------------------	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1

- Được thành lập theo qui định;
- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ, và quyền hạn theo qui định;
- Các hoạt động được định kỳ rà soát.

Mức 2

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- Được thành lập theo quy định :

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2023 gồm có 7 thành viên và các hội đồng khác được thành lập theo yêu cầu cụ thể của từng công việc như: Hội đồng thi đua khen thưởng có 7 thành viên, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm có 07 thành viên. Các Hội đồng đều hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. [H1-1.2-01].

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định:

Hội đồng trường quyết nghị mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, phương hướng phát triển của trường về quy chế tổ chức hoạt động, về tài chính, tài sản và giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng thi đua, khen thưởng. Các thành viên của hội đồng gồm có: Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ trưởng tổ phó

chuyên môn và tổ trưởng tổ văn phòng; Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện chức năng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường vào cuối học kỳ và cuối năm học. [H1-1.2- 02].

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá:

Hội đồng trường họp mỗi năm họp ít nhất 3 lần; các Hội đồng khác hoạt động theo quy chế riêng. Hàng năm Hội đồng trường và các hội đồng khác tổ chức rà soát, đánh giá định kỳ; kịp thời bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện các chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các hoạt động. [H1-1.2- 03].

Mức 2

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

Hội đồng trường đã thông qua việc xây dựng và trực tiếp giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quy chế, kế hoạch và có đánh giá nhận xét theo từng kì, do đó chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ luôn đạt kết quả cao; 100% cán bộ, giáo viên của nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, 100% nhóm lớp hoàn thành các nhiệm vụ đề ra, huy động trẻ đến trường đạt tỷ lệ theo yêu cầu, 100% các cháu được tổ chức ăn bán trú tại trường, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng hàng năm từ 0,5%-2%, 100% trẻ 5 tuổi đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 1. [H1-1.2-01].

Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cùng kết hợp với ban chấp hành công đoàn phát động các phong trào thi đua vào đầu năm học, vào các ngày lễ lớn truyền thống của ngành, có các giải pháp khích lệ phong trào thi đua, chính vì vậy chất lượng đội ngũ, chất lượng các hội thi và chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ được nâng lên rõ rệt. [H1-1.2-02].

Ban kiểm tra nội bộ đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và tiến hành kiểm tra đúng qui trình. Công tác kiểm tra đảm bảo tính quy pháp, chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời. Qua kiểm tra, đã chỉ rõ những ưu điểm, hạn chế của từng bộ phận, cá nhân; đôn đốc thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về giáo dục từ đó tìm ra các giải pháp khả thi nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo chất lượng hoạt động dạy học góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo trong toàn trường. [H1-1.2-03]

Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm đã giúp nhà trường phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm; lựa chọn những sáng kiến tiêu biểu, điển hình dự thi cấp thành phố. Năm 2021-2022 nhà trường có 02 SKKN dự thi cấp thành phố. [H1-1.2-04]

Như vậy, trong những năm học vừa qua, Hội đồng trường và các Hội đồng khác đã hoạt động hiệu quả để giúp chất lượng giáo dục toàn diện ngày càng tiến

bộ, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên, được cha mẹ trẻ và nhân dân địa phương tin tưởng. Những đóng góp tích cực của các hội đồng đã được thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường trong các năm học.[H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Hoạt động của các hội đồng thường xuyên được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn từng năm học. Các Hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thành viên hội đồng còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau vì vậy thời gian dành cho hoạt động đôi khi còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì việc thành lập và hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác theo đúng qui định góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc- giáo dục trẻ trong nhà trường.	UBNDTP, Phòng GD-ĐT, CB, GV trong nhà trường.	Các văn bản chỉ đạo của cấp trên	Trong các năm học	
Lập bảng phân công nhiệm vụ, phân công các nhiệm vụ rõ ràng phù hợp với điều kiện công tác thực tế của từng thành viên.	Ban giám hiệu		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----

Đạt	Đạt	
------------	------------	--

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 29 đoàn viên, Ban chấp hành công đoàn gồm 3 thành viên do đồng chí Hoàng Thị Minh Thu làm chủ tịch công đoàn, đồng chí Phạm Thị Thanh Dung là trưởng ban nữ công, và 29 đoàn viên (cán bộ quản lý, giáo viên). Tổ chức Đoàn thanh niên có 16 đoàn viên, Ban chấp hành chi đoàn gồm 02 thành viên do đồng chí Phạm Thị Thanh Dung làm Bí thư chi đoàn. [H1-1.3- 01].

- b) Hoạt động theo quy định:

Các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non. [H1-1.3- 02].

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá:

Hằng năm, các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức được rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. [H1-1.3- 03].

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Nhà trường có Chi bộ riêng gồm 13 đảng viên. Chi bộ được thành lập theo Quyết định chuẩn y do đồng chí Bí thư Đảng ủy phường Quang Trung ký, đồng chí Trần Thị Thanh Huyền - Hiệu trưởng làm Bí thư chi bộ; đồng chí Nguyễn Thị Kim Chi - Phó Hiệu trưởng làm Phó Bí thư chi bộ, đồng chí Hoàng Thị Minh Thu - Phó Hiệu trưởng làm ủy viên. Chi bộ lãnh đạo nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng. Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ có 03 năm hoàn thành tốt và 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng bộ phường Quang Trung tặng giấy khen

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường:

Công đoàn và chi đoàn thanh niên thường xuyên phối hợp với nhà trường trong việc đổi mới phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ, ứng dụng CNTT, tổ chức các ngày hội, ngày lễ, các hội thi của trường. [H1-1.3- 04]

Mức 3

a) Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ có 03 năm hoàn thành tốt và 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng bộ phường Quang Trung tặng giấy khen. [H1-1.3- 05].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng:

Các đoàn thể, tổ chức thường xuyên phát động phong trào ủng hộ quỹ:

+ Cuộc vận động " Ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em, Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ phòng chống thiên tai, Ủng hộ quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam, Ủng hộ quỹ vì người nghèo TPND năm 2024, Tham gia hiến máu nhân đạo mỗi năm có 5-6 đồng chí hiến máu. Các đồng chí đoàn viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực sự là cầu nối giữa Đảng, chính quyền và người lao động, thúc đẩy các phong trào thi đua trong nhà trường. Hàng năm được công đoàn ngành bình xét tặng danh hiệu “ Công đoàn cơ sở trong sạch vững mạnh” và Giấy khen của Liên đoàn lao động thành phố. [H1-1.2- 06]

2. Điểm mạnh:

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ phường Quang Trung, Chi bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu “ Chi bộ trong sạch vững mạnh”.

Công đoàn, chi đoàn trường đều hoạt động tích cực và hiệu quả, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn và phong trào văn hóa, văn nghệ, hội thi, hội giảng, đặc biệt là phong trào ủng hộ, hiến máu nhân đạo, mái ấm tình thương.

3. Điểm yếu:

Do thời gian làm việc của GVMN chiếm nhiều quỹ thời gian trong ngày nên việc tham gia các hoạt động cộng đồng của công đoàn và đoàn thanh niên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường một cách hiệu quả.	BCH công đoàn, BGH		Các năm học tiếp theo	
- Kết hợp với các tổ chức trong cộng đồng; bố trí, sắp xếp thời gian hợp lý để các đoàn viên tham gia các hoạt động cùng cộng đồng	BCH, công đoàn, chi đoàn		Các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Không đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Không đạt	b	Không đạt
c	Đạt	_____	_____	_____	_____
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Tự đánh giá : **Đạt Mức 1**

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Tiêu chí: 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định:

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non gồm: 1 Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng: Đồng chí Trần Thị Thanh Huyền- Hiệu trưởng, Đồng chí Nguyễn Thị Kim Chi, Hoàng Thị Minh Thu là Phó Hiệu trưởng đã đủ theo quy định tại điều 10 chương II của Điều lệ Trường mầm non và thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 qui định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. [H1 -1.4- 01].

- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định:

- + Tổ mẫu giáo 5 tuổi: 09 giáo viên
- + Tổ mẫu giáo 3, 4 tuổi: 12 giáo viên
- + Tổ Nhà trẻ : 04 giáo viên

Tổ văn phòng: Được thành lập theo quy định tại điều 14 chương II điều lệ trường mầm non gồm: 01 đồng chí kế toán, 01 đồng chí thủ quỹ (kiêm nhiệm), 04 đồng chí phụ trách dinh dưỡng, 03 đồng chí bảo vệ.

Hàng năm, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại tổ chuyên môn và tổ văn phòng trên cơ sở lấy ý kiến của các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có tổ trưởng và tổ phó. Tổ trưởng và tổ phó là giáo viên được lựa chọn có khả năng, năng lực chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm xếp loại tốt trở lên. [H1-1.4-02]

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học, đề ra các nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp cho phù hợp. Kế hoạch được các thành viên trong tổ thảo luận và thống nhất, được Ban giám hiệu nhà trường ký duyệt. [H1 -1.4- 03].

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại điều 13, điều 14 Điều lệ trường mầm non: tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng, tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục có hiệu quả, tham gia đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên trong tổ và thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.[H1 -1.4- 03]

Mức 2

a) Hàng năm, tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch chuyên môn của nhà trường để xây dựng kế hoạch và đề xuất một số chuyên đề trọng tâm trong năm học, đã có một số chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục như: chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non”; chuyên đề: “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Giáo dục an toàn giao thông”, “Giáo dục bảo vệ môi trường”, “Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả”...

Trong báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm đã biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong việc thực hiện chuyên đề. [H1-1.4-04]

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại điều 13, điều 14 Điều lệ trường mầm non: tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng, Trong các buổi sinh hoạt, các tổ đều tổ chức đánh giá, rà soát, điều chỉnh các hoạt động của tổ cho phù hợp với tình hình thực tế. Hàng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, có nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. [H1-1.4-06]

Mức 3

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo chuyên môn của nhà trường và đã có các giải pháp đổi mới rõ nét trong việc thực

hiện hưởng lợi các nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong toàn trường, được phụ huynh và nhân dân tin tưởng. [H1-1.4-06].

b) Trong những năm học vừa qua, tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề như chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động”, chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”,... đã đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. Liên tục trong nhiều năm học, nhà trường đã đón Phòng Giáo dục về kiểm tra các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, công tác y tế trường học, ”Xây dựng trường học thân thiện – Học sinh tích cực” và được đánh giá xếp loại tốt trong việc thực hiện các chuyên đề, điều đó cũng thể hiện rõ nét trong báo cáo tổng kết năm học của nhà trường. [H1-1.4- 06].

2. Điểm mạnh:

Tổ chức nhà trường có đủ cơ cấu theo Luật giáo dục và Điều lệ trường mầm non. Có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo qui định.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch cụ thể, đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nề nếp. Đội ngũ tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có trình độ chuyên môn vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, gương mẫu đi đầu trong các hoạt động của nhà trường.

Hoạt động của tổ chuyên môn được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh và có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhân viên y tế, thủ quỹ là giáo viên kiêm nhiệm, chưa có nghiệp vụ theo quy định nên còn hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Thời gian dành cho tổ chuyên môn sinh hoạt còn ít, thường họp tranh thủ nên chất lượng của một số buổi sinh hoạt chuyên môn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Quan tâm, chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo nhiệm vụ của nhà trường theo năm học	BGH		Năm học 2024-2025	

Tham mưu với các cấp lãnh đạo để biên chế nhân viên y tế, nhân viên kế toán.	BGH	Văn bản	Năm học 2024-2025	
Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế.	PGD, BGH	Lớp tập huấn về công tác y tế do y tế phường hoặc TP tổ chức.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
- Duy trì cải tiến các hình thức đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Tăng cường quỹ thời gian trong các buổi sinh hoạt trao đổi thảo luận về: Đổi mới phương pháp giảng dạy, UDCNTT trong các hoạt động, thảo luận nội dung chương trình GDMN, phương pháp bồi dưỡng giáo viên mũi nhọn, giáo viên mới vào nghề để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.	Tổ chuyên môn.	Kế hoạch sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn; Nội dung sinh hoạt chuyên môn hàng tháng.	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-----	-----	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí: 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp

mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép:

Nhà trường có số lượng nhóm trẻ và lớp mẫu giáo theo quy định. Năm học 2023-2024 trường hiện có 12 nhóm lớp trong đó có 02 nhóm nhà trẻ và 10 lớp mẫu giáo. Các nhóm, lớp được tổ chức theo đúng độ tuổi. [H1-1.5- 01]

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày :

100 % trẻ đến trường đều được nuôi ăn bán trú và học 2 buổi/ngày.

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật: Nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 2

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi:

Tỷ lệ trẻ/nhóm lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Số lượng nhóm trẻ hiện có: 02 nhóm trẻ 24-36 tháng (44 trẻ; bình quân có 22 trẻ/lớp); Mẫu giáo 3-4 tuổi có 2 lớp (549 trẻ; bình quân có 25 trẻ/lớp); Mẫu giáo 4-5 tuổi có 4 lớp (75 trẻ; bình quân có 19 trẻ/lớp); Mẫu giáo 5-6 tuổi có 4 lớp (80 trẻ diện phổ cập ra lớp đạt 100%). [H1-1.5- 02]

Mức 3

Nhà trường có không quá 15 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: Năm học 2022-2023
 nhà trường có 12 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Số cơ sở GDMN công lập và ngoài công lập trên địa bàn TP_ và các phường lân cận nhiều, các cơ sở gần nhau nên cũng ảnh hưởng đến công tác huy động trẻ ra lớp của nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tạo niềm tin cho các bậc phụ huynh yên tâm đưa trẻ đến trường. - Áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền với nhân dân trên địa bàn phường Văn Miếu và các phường lân cận để huy động trẻ ra lớp. - Làm tốt công tác PCGD, chú trọng huy động trẻ ở độ tuổi nhà trẻ ra lớp.	CBGV	Loa phát thanh, tài liệu tuyên truyền...	Năm học 2024-2025	
- Tích cực thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp trên việc trang bị thêm về CSVC phục vụ có hiệu quả trong việc CSGD trẻ.	BGH		Năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Tự đánh giá: **Đạt Mức 3**

Tiêu chí: 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Có lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo đúng quy định. [H1-1-06-01].

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành:

Hàng quý, hàng kỳ, hàng năm lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. [H1-1.6- 02]

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục:

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. [H1-1.6- 03]

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường:

Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: Sử dụng các phần mềm quản lý, phần mềm phổ cập giáo dục, phần mềm kế toán, ứng dụng cơ sở dữ liệu ngành... [H1-1.6- 04]

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.3- 05]

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương:

Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương: Kế hoạch xã hội hóa giáo dục được các tổ chức, cá nhân, các bậc cha mẹ học sinh hưởng ứng cao. [H1-1.3- 06]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng một cách có hiệu quả, đúng mục đích, dân chủ, minh bạch được tập thể nhà trường và phụ huynh nhất trí cao.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu:

Công tác xã hội hóa giáo dục để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế của địa phương vẫn còn có những hạn chế nhất định do điều kiện kinh tế của nhân dân địa phương vẫn còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
--	---------------------------	--------------------------	----------------------------	-------------------------

		hiện		
Tiếp tục duy trì việc lập và sử dụng hệ thống hồ sơ quản lý nhà trường theo qui định; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản	CBGVNV	Máy tính có kết nối Internet, CBQL thành thạo về tin học	Trong các năm học	
Tiếp tục bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ tài chính cho kế toán, thủ quỹ để thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính đảm bảo nguyên tắc.	CB, NV	Các lớp tập huấn về nghiệp vụ tài chính do PGD, phòng tài chính thành phố tổ chức	Trong các năm học	
Tích cực hơn nữa trong công tác tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các bậc cha mẹ học sinh về công tác xã hội hóa giáo dục nhằm tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ.	CBGVNV	Loa phát thanh...	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí: 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý,

giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo hàng năm trong đó đề ra các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. [H1-1.7-01].

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường:

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch nhiệm vụ năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, phù hợp với năng lực của từng người, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định:

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của Điều lệ trường mầm non: Hàng năm nhà trường đã cung cấp đầy đủ tài liệu, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện cho giáo viên để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ đạt kết quả tốt. Tạo điều kiện về thời gian, bố trí người dạy thay khi giáo viên ốm đau, thai sản... Động viên giáo viên tích cực tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của Pháp luật. Đảm bảo mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và chăm sóc, bảo vệ sức

khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo như: Giáo viên được nghỉ khi ốm đau, sinh con, gia đình có việc hiếu, hỉ, thăm hỏi đồng viên kịp thời. Bảo vệ nhân phẩm và danh dự cho giáo viên. Đảm bảo chế độ ngày công lao động cho giáo viên đúng quy định. Từ đó tạo nên tâm lý thoải mái giúp giáo viên yên tâm công tác. [H1-1.7- 03]

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường :

Nhà trường có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: Xây dựng quy chế chuyên môn, phân công nhiệm vụ hợp lý đối với mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường, có chế độ khen thưởng để khích lệ tinh thần cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực trình độ từng người nên đã phát huy được chất lượng đội ngũ của nhà trường.

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc đầy đủ về chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trong các ngày lễ tết, nhà trường cùng công đoàn quan tâm đồng viên kịp thời cho đội ngũ giáo viên, đặc biệt ủng hộ giáo viên có hoàn cảnh khó khăn.

3. Điểm yếu:

Do đa số GV của nhà trường đa số lag GV trẻ, đang trong độ tuổi sinh nở nên phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục làm tốt công tác phân công, phân nhiệm cho	CB, GV		Năm học 2023-2024	

giáo viên phù hợp với trình độ, năng lực. - Tạo điều kiện, thúc đẩy giáo viên phát huy năng lực chuyên môn trong các hoạt động.				
- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng giúp đỡ chuyên môn cho giáo viên còn hạn chế về chuyên môn; giáo viên nghỉ sau thai sản để nâng cao độ đồng đều về chuyên môn trong nhà trường.	CBGVNV	Tài liệu, thời gian	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường:

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường: Nhà trường đã căn cứ vào kế hoạch của Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, đặc điểm tình hình của địa phương và nhà trường để xây dựng kế hoạch năm học theo năm, tháng, tuần rõ ràng, chi tiết theo chỉ đạo của ngành, phù hợp với thực tế của các nhóm, lớp. Có biện pháp tổ chức, có lịch trình thực hiện kế hoạch theo đúng chủ đề, đúng thời gian và tiến độ quy định; Chủ động tham mưu với cấp Ủy Đảng, Chính quyền về kế hoạch và các biện pháp cụ thể của nhà trường để thực hiện mục tiêu giáo dục trong từng năm học. [H1-1.8- 01]

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ:

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường các tổ chuyên môn và giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục nhóm lớp và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. [H1-1.8- 02]

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời:

Hàng tuần BGH duyệt kế hoạch giáo dục của giáo viên để góp ý bổ sung cho giáo viên trước khi tổ chức thực hiện. Thường xuyên dự giờ, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ 2 lần/tháng để giáo viên trao đổi học hỏi lẫn nhau nhằm đổi mới việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. [H1-1.8- 03]

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả:

Qua các đợt thanh tra, kiểm tra chuyên môn của cấp trên các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. [H1-1.8- 04].

Mức 3: Không có chỉ báo

1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục đồng bộ, khoa học, có tính khả thi. Kế hoạch giáo dục của nhà trường bám sát chương trình GDMN theo thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo

Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 28/TT-BGDĐT của Bộ GD – ĐT. Hướng dẫn nhiệm vụ trọng tâm của ngành, cấp học, phù hợp với điều kiện của trường, của lớp. Kế hoạch đã chú trọng đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, trên cơ sở kế hoạch chỉ đạo của ngành và đưa ra toàn thể hội đồng sư phạm thảo luận, góp ý nhằm hoàn thiện kế hoạch một cách cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường,

Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra rà soát, đánh giá và bổ sung điều chỉnh chương trình kịp thời cho giáo viên và chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục giúp trẻ hứng thú học tập, tự tin trong các hoạt động của lớp, của trường.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ đối với giáo viên chưa được thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch năm học linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế theo từng năm học	BGH, tổ trưởng chuyên môn,	Văn Bản chỉ đạo của các cấp	Trong các năm học	
Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực	BGH, tổ trưởng chuyên môn,	Thời gian	Trong các năm học	

hiện nhiệm vụ của GV. Tăng cường kiểm tra đột xuất. Có đánh giá, điều chỉnh kịp thời sau mỗi lần kiểm tra				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường:

Mỗi năm học nhà trường đều xây dựng quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường. Mọi hoạt động đều được tập thể bàn bạc thảo luận tham gia ý kiến. Các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường được thông qua hội đồng trường và góp ý bổ sung của các thành viên trong trường. Ban thanh tra nhân dân trong nhà trường thường xuyên giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, đề xuất ý kiến tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện quy chế của nhà trường. Phát huy tinh thần dân chủ trong tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các hội nghị công chức, viên chức và bình xét thi đua. [H1-1.9- 01].

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật:

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9- 01].

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở:

Hằng năm nhà trường xây dựng báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở nộp về Phòng GD&ĐT. [H1-1.9- 01].

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả:

Trong từng năm học nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Mức 3: Không có chỉ báo

2. Điểm mạnh:

BGH đã phối kết hợp các đoàn thể trong nhà trường xây dựng quy chế dân chủ trong trường học, quy tắc ứng xử và thường xuyên thực hiện nghiêm túc, đảm bảo không xảy ra vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; không có CBGV NV nào vi phạm kỷ luật, vi phạm đạo đức nhà giáo, tập thể nhà trường luôn đoàn kết giúp đỡ nhau cùng hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; Nhà trường liên tục đạt danh hiệu đơn vị tiên tiến.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên chưa mạnh dạn phát huy tinh thần dân chủ trong các hội nghị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tăng cường đoàn kết nội bộ thông qua việc thực hiện tốt qui chế dân chủ trường học và quy chế chi tiêu nội bộ. Phát huy quyền dân chủ tham gia ý kiến để quy chế hoạt động của nhà trường thực hiện tốt hơn.	CB, NV	Quy chế dân chủ; Hội nghị CBCCVC	Trong các năm học	
- Khuyến khích động viên CBGVNV phát huy quyền dân chủ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng vào các nội quy quy chế cũng như tất cả các hoạt động của nhà trường để cùng nhau cải tiến và thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ, xây dựng nhà trường ngày một tốt hơn.	CBGVNV	Hội nghị CBCCVC	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	-----

b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Quyết định số 46/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 13/2010/TT- BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ Giáo dục

ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non; Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường. Hàng năm thành lập Ban chỉ đạo và có phương án đảm bảo an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống, tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống bạo lực trong nhà trường; trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. [H1-1.10-01].

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường:

Ở mỗi khu của nhà trường đều có hộp thư góp ý đặt tại khu để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. [H1-1.10-02]

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường:

Trong những năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và

phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, các buổi sinh hoạt chuyên môn, qua hệ thống bảng tuyên truyền. [H1-1.10- 03]

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả:

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10- 04]

Mức 3: Không có chỉ báo

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền, phối kết hợp với công an phường trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường; tổ chức cho CBGV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

Thực hiện tốt kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. Làm tranh ảnh, khẩu hiệu tuyên truyền trong trường để CBGVNV và cha mẹ học sinh cùng nắm bắt các nội dung phối kết hợp với giáo viên và nhà trường thực hiện đạt hiệu quả và trở thành các nội dung được chú trọng thực hiện thường xuyên trong các hoạt động CSGD trẻ.

An ninh trật tự trong nhà trường được giữ vững. Trong các năm học không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm, mất an ninh trật tự trong nhà trường.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về tính mạng và tình cảm, được Chủ tịch UBND thành phố Nam Định cấp giấy chứng nhận “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích”.

3. Điểm yếu:

Trường chưa có nhân viên y tế học đường riêng do vậy công tác chăm sóc sức khỏe trẻ chưa được thường xuyên, việc theo dõi cập nhật vào hồ sơ theo dõi chưa kịp thời.

Các phương tiện và thiết bị phòng chống cháy nổ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục đầu tư trang bị các phương tiện phòng chống cháy nổ cho nhà trường để đảm bảo phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.	BGH	Kinh phí	Trong các năm học	
- Tiếp tục tham mưu đề nghị cấp có thẩm quyền tuyển nhân viên y tế cho trường mầm non để đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ được thường xuyên và lưu trữ cập nhật thông tin sức khỏe trẻ kịp thời hơn.	BGH	Kế hoạch tham mưu	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt
Đạt		Đạt			

Tự đánh giá: **Đạt Mức 2**

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

*** Điểm mạnh và điểm yếu nổi bật:**

- Điểm mạnh:

+ Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, đầy đủ số lượng theo quy định và đúng thành phần, 03 đồng chí CBQL có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực tổ chức quản lý và điều hành hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

+ Hội đồng trường và các tổ chuyên môn đã phát huy hiệu quả khi triển khai các hoạt động giáo dục.

+ Nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước, chính quyền địa phương và các cấp quản lý giáo dục. Thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

+ Tỷ lệ huy động trẻ đến nhóm lớp mẫu giáo luôn đạt 95 - 100% trẻ ; nhà trẻ huy động đạt chỉ tiêu kế hoạch; trẻ đến lớp được phân nhóm, tách lớp theo độ tuổi, được nuôi bán trú và học 2 buổi/ngày.

+ Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chương trình của Bộ GD&ĐT. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường theo chỉ đạo hướng dẫn của Sở, Phòng có tính khả thi cao.

+ Công tác quản lý tài chính, tài sản của trường được thực hiện nghiêm túc và công khai theo đúng quy định hiện hành. An ninh trật tự nhà trường được giữ vững.

- Điểm yếu:

+ Sự lãnh đạo của chi bộ đối với các đoàn thể vẫn còn có hạn chế.

+ Hình thức tổ chức các chuyên đề nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên còn đơn điệu.

+ Chưa có nhân viên y tế học đường riêng nên việc giải quyết các vấn đề liên quan tới công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm an toàn cho trẻ còn hạn chế.

*** Kết quả đánh giá**

- Tổng số tiêu chí: 10

- Số tiêu chí đạt: 10/10

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 08/10

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 1/5

Kết quả đánh giá tiêu chuẩn 1 : Đạt mức 1

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu: Trường mầm non Hoa Mai đã triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định có liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo quy trình và tiêu chí rõ ràng, minh bạch nên đã có được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình tâm huyết với nghề, nêu cao tinh thần đoàn kết, lối sống lành mạnh, trung thực, thẳng thắn, khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định:
- Hiệu trưởng: Đồng chí Trần Thị Thanh Huyền - Hiệu trưởng có trình độ Đại học sư phạm mầm non, được tuyển dụng vào ngạch viên chức từ năm 2002, có 24 năm làm việc phục vụ trong ngành, Ngày 30/12/2024 được UBND thành phố Nam Định bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường mầm non Hoa Mai. Đồng chí đã qua lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, có bằng trung cấp chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiều năm làm công tác quản lý, nhiều năm liên tục đạt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. [H2-2.1- 01]

- Phó Hiệu trưởng: Đồng chí Nguyễn Thị Kim Chi có thời gian công tác liên tục trong trường mầm non 24 năm, được tuyển dụng năm 2002, được UBND thành phố Nam Định bổ nhiệm lại làm Phó hiệu trưởng trường mầm non Hoa Mai vào tháng 6/2024, có trình độ đại học sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng QLGD, tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, có 12 năm làm công tác quản lý. Đồng chí có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng lực quản lý trường mầm non tốt, tích cực công tác. Đc PHT Hoàng Thị Minh Thu có thời gian công tác liên tục trong trường mầm non 20 năm, được UBND thành phố Nam Định bổ nhiệm lại làm Phó hiệu trưởng trường mầm non Hoa Mai tháng 06/2024, có trình độ đại học sư phạm mầm non, đã qua lớp bồi dưỡng QLGD, tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị có 11 năm làm công tác quản lý. Đồng chí có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, năng lực quản lý trường mầm non tốt, tích cực công tác hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên:

Nhà trường tổ chức đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 17/2011/TT- BGD&ĐT ngày 14/4/2011 và Thông tư số 25/2018/TT- BGD&ĐT ngày 08/10/2018 của Bộ giáo dục đào tạo Ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng.

Kết quả đánh giá trong 5 năm, đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên, [H2-2.1-02].

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

CBQL đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục mầm non được trường Cao đẳng sư phạm Nam Định cấp chứng chỉ xếp loại Giỏi.

Hàng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức. 03 đồng chí CBQL đã thành chương trình Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định được xếp loại Giỏi. Có 03 đồng chí Trần Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Kim Chi và đồng chí Hoàng Thị Minh Thu đã hoàn thành khóa đào tạo bồi dưỡng kỹ năng quản lý và lãnh đạo. [H2-2.1-03].

Mức 2

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đồng chí Hiệu trưởng và 02 đồng chí Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên.

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm:

Các đồng chí cán bộ quản lý của trường được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; BGH đã tạo được uy tín với đồng nghiệp, PHHS, với cấp trên cũng như cán bộ nhân dân trong địa bàn phường, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt:

Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đồng chí Hiệu trưởng và 02 đồng chí Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá và tốt.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng, 3/3 đồng chí CBQL nhà trường đều có trình độ chuyên môn trên chuẩn, các đồng chí đã có bằng trung cấp chính trị, đã qua lớp bồi dưỡng CBQL, đã có thời gian trực tiếp giảng dạy nên thuận lợi cho công tác chỉ đạo chuyên môn của nhà trường. Kết quả đánh giá Chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng các năm học đều đạt ở mức khá và tốt.

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường nhiệt tình, có năng lực, tâm huyết với nghề, có lối sống lành mạnh, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, luôn được đồng nghiệp tín nhiệm, PHHS và nhân dân địa phương tin tưởng.

3. Điểm yếu:

Việc giải quyết một số công việc trong công tác quản lý đôi khi chưa dứt điểm. Trong chỉ đạo đôi lúc còn chưa khoa học, chưa thực sự bút phá sáng tạo trong quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Phát huy hơn nữa ý thức tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý để nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của ngành.	CBQL	Kế hoạch phấn đấu sau đánh giá chuẩn nghề nghiệp.	Trong các năm học	
- Duy trì và thực hiện tốt công tác quản lý có hiệu quả, phát huy công tác quản lý năng động, sáng tạo. Tăng cường sử dụng phần mềm quản lý trường học hiệu quả hơn.	CBQL	Tích cực ứng dụng CNTT; Bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ.	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Không đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định:

Nhà trường chưa đủ số lượng giáo viên theo quy định được sắp xếp. Toàn trường có 25 giáo viên trong đó: Nhà trẻ 5 cô/2 nhóm đạt 2.5 cô/nhóm; Mẫu giáo có 20 cô/10 lớp đạt 2.0 cô/lớp. Cơ cấu đội ngũ giáo viên đảm bảo thực hiện CTGDMN. [H2-2.2- 01]

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định:

Đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 25 giáo viên. Trong đó:

- Đại học: 21 giáo viên.

- Cao đẳng: 04 giáo viên.

Như vậy, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật

giáo dục 2019 và Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. [H2-2.2-02].

c) Có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên:

Hàng năm vào cuối mỗi năm học tất cả mọi giáo viên đều được đánh giá theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ GD & ĐT ban hành theo Quyết định số 02/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 1 năm 2008. [H2-2.2-03].

Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp các năm học như sau:

Năm học	Tổng số GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp	Xếp loại								Ghi chú
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	
2019-2020	22	10	45,5	12	54,5					
2020-2021	24	12	50	12	50%					
2021-2022	24	12	50%	8	33,4	4	16,6			
2022-2023	26	12	46,1	12	46,2	2	7,7			
2023-2024	25	9	36%	14	56%	2	8%			

Mức 2

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp:

25/25 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn tỉ lệ 100%

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 36 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%:

Tỷ lệ giáo viên của nhà trường đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 100%

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 36% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ giáo viên được trẻ hóa, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn và trên chuẩn, năng lực sư phạm vững vàng, nhiệt tình tâm huyết chăm sóc giáo dục trẻ được cha mẹ học sinh tin tưởng yêu mến. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hàng năm đều đạt cao.

Việc đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt và khá chiếm tỷ lệ cao

3. Điểm yếu:

Nhận thức của giáo viên không đồng đều, một số giáo viên mới vào ngành kinh nghiệm chuyên môn còn hạn chế. Số lượng GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn hạn chế.

Kỹ năng tự đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp còn hạn chế ở một số giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy tinh thần tự học, tự bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tiếp tục bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên để số lượng giáo viên tham dự thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố nhiều hơn Tạo cơ hội để giáo viên được tham quan học tập kinh nghiệm ở các trường trọng điểm trong và ngoài Tỉnh.	CBQL GV	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ; Kế hoạch tham quan học tập kinh nghiệm.	Trong các năm học	
- Tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng tự đánh giá theo chuẩn cho giáo viên mới vào ngành về các tiêu chí trong các chuẩn để giáo viên tự đánh giá sát thực hơn	CBQL GV	Tài liệu hướng dẫn.	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Không đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	-----
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 1

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công:

a) Đội ngũ nhân viên:

Đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 13 nhân viên và 02 giáo viên kiêm nhiệm và đảm nhiệm các vị trí việc làm. Cụ thể:

+ Y tế trường học: 01 đồng chí (Giáo viên biên chế kiêm nhiệm)

+ Thủ quỹ: 01 đồng chí (Giáo viên biên chế kiêm nhiệm)

+ Kế toán + văn thư: 01 đồng chí (Biên chế)

+ Dinh dưỡng: 04 đồng chí (Hợp đồng lao động thời vụ)

+ Bảo vệ: 03 đồng chí (03 Hợp đồng lao động thời vụ)

Số lượng nhân viên trong nhà trường đảm bảo các công việc theo sự phân công của đồng chí hiệu trưởng.[H2-2.3-02].

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực:

Các nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. H2-2.3- 02]

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao:

Đội ngũ nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công của Hiệu trưởng. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn và chấp hành tốt nội quy nhà trường. H2-2.3- 03]

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định:

Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên:

Đội ngũ nhân viên của trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong 04 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm:

Nhân viên kế toán kiêm nhiệm đạt trình độ trên chuẩn đào tạo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhân viên nấu ăn đã có giấy chứng nhận lớp bồi dưỡng VSATTP. [H2-2.3- 04]

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm:

Hằng năm đội ngũ nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. [H2-2.3- 05]

2. Điểm mạnh:

Lực lượng nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo an toàn cho trẻ cũng như tài sản của trường.

Nhân viên trong trường được đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định, được quan tâm động viên trong những ngày lễ, tết.

Nhân viên nấu ăn được tham gia tập huấn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm do trung tâm y tế thành phố tổ chức; hằng năm nhân viên nấu ăn được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

3. Điểm yếu:

Thủ quỹ, y tế là giáo viên kiêm nhiệm nên thời gian về nghiệp vụ tài chính, y tế còn hạn chế

Mặc dù đã thực hiện các chế độ chính sách cho đội ngũ nhân viên nhưng so với giá cả thị trường hiện nay nên đời sống nhân viên còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Đề xuất với các cấp, các ngành có kế hoạch bổ sung nhân viên y tế chuyên trách riêng biệt cho nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ CSGD trẻ.	CBQL	Kế hoạch tham mưu.	Trong các năm học	
- Đề xuất với các cấp quan tâm chế độ cho nhân viên để họ yên tâm công tác lâu dài và có tính ổn định cho nhà trường.	CBQL	Kế hoạch tham mưu.	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

*** Điểm mạnh và điểm yếu nổi bật:**

- Điểm mạnh:

+ Đội ngũ CB, GV, NV có phẩm chất đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, có tinh thần trách nhiệm cao, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

+ Cán bộ quản lý nhiệt tình, năng động, tâm huyết, đã làm tốt công tác tham mưu, công tác XHHGD. Duy trì và phát huy thành tích, giữ vững đơn vị tiên tiến trong nhiều năm liền.

+ Đội ngũ giáo viên có tinh thần ham học hỏi tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tỷ lệ trên chuẩn đạt 100 %

- Điểm yếu:

+ Nhà trường chưa có nhân viên y tế nên trong quá trình thực hiện chuyên môn đôi lúc còn hạn chế.

+ Nhân viên nuôi dưỡng hợp đồng trường do mức đóng góp của PHHS còn thấp nên chế độ chính sách chưa đảm bảo.

+ Số lượng GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn hạn chế.

*** Kết quả đánh giá**

- Tổng số tiêu chí: 03

- Số tiêu chí đạt: 3/3

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 3/3

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 1/3

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 1/3

Kết quả đánh giá tiêu chuẩn 2 : Đạt mức 1

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động giáo dục và dạy học.

Nhà trường có hai cơ sở vật chất khang trang, sạch sẽ. Các phòng học, phòng chức năng, các khu vực chơi được thiết kế, bố trí phù hợp đáp ứng việc tổ chức các

hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đa dạng, phong phú đảm bảo tốt các hoạt động của trường.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh. Khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ.

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm lớp, sân chơi chung, sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định:

Nhà trường có 2 cơ sở với tổng diện tích toàn trường là: 2.757,2m². Trong đó CS1 có diện tích 2.359,6m², Cs2 có diện tích 397,6m²; Diện tích bình quân/trẻ: 10,5m². [H3-3.1- 01]

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ:

Hai cơ sở có cổng trường được làm kiên cố chắc chắn với chiều rộng là 6-12 m, chiều cao là 4,5m, có gắn biển trường theo đúng quy định tại Điều 7-

Chương II Điều lệ trường mầm non. Xung quanh trường xây dựng tường bao cao 1,5m đảm bảo an toàn. Trường có 2 khuôn viên thoáng mát đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. [H3-3.1- 02]

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng:

Tổng diện tích sân chơi hai khu là 850m². Các phòng học có hiên trước và hiên sau với tổng diện tích là 50 m², chiều rộng 1,5 m²; bình quân 0,2m²/trẻ, có lan can bao quanh cao 1m đảm bảo an toàn cho trẻ hoạt động. Trên mỗi sân chơi đều có cây xanh, hoa, cỏ. Các khu vui chơi được bố trí phù hợp, thuận tiện cho trẻ hoạt động vui chơi, đảm bảo an toàn mọi mặt cho trẻ. [H3-3.1- 03]

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định:

Tổng diện tích xây dựng công trình của trường là 1.806 m². Các khu vực sân chơi, vườn cây tại Cs1 được bố trí hợp lý với tổng diện tích là 900m². Vườn cây của Cs1 luôn được cắt tỉa chăm sóc tạo bóng mát sân trường đảm bảo theo quy định

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập:

Khuôn viên 2 cơ sở của nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. [H3-3.1- 04]

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ(nếu có):

Khu vực chơi của trẻ ở cơ sở 1 có từ 5-7 loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo thông tư Số: 32/2012/TT-BGDĐT(có 1 bộ đồ chơi liên hoàn, 1 nhà bóng, 01

đu quay, 2 thang leo thể dục vận động, 01 xích đu và nhiều bộ thiết bị vận động khác). Các đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ được bảo quản dưới mái che sạch sẽ tránh mưa nắng. Bên cạnh khuôn viên vui chơi của 02 cơ sở không có ao hồ. [H3-3.1- 05]

Mức 3

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đảm bảo an toàn cho trẻ:

Sân chơi của trường đã được quy hoạch theo các khu vực hoạt động riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Điểm mạnh:

Diện tích đất của nhà trường đảm bảo, so với quy định.

Công trường được xây dựng kiên cố có tường, rào bao quanh được xây kín đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người và tài sản.

Diện tích sân chơi rộng rãi bằng phẳng được lát đá và thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ an toàn phù hợp với các hoạt động vui chơi của trẻ.

Các loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Vườn cây ăn quả còn ít chủng loại cây

Một số loại đồ chơi ngoài trời đã cũ cần thay thế, bổ sung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục trồng thêm cây ăn quả theo khu vực quy hoạch.	CBQL GVNV	Kinh phí Cây các loại.	Trong các năm học	

<p>- Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa, sơn lại các đồ chơi mô hình vui chơi ngoài trời. Tăng cường vệ sinh đảm bảo môi trường luôn sạch sẽ thoáng mát, thường xuyên chăm sóc, bảo vệ cây cối xanh tốt cắt tỉa tạo cảnh quan môi trường .</p>	<p>CBQL GVNV</p>	<p>Kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị; Kế hoạch xây dựng cảnh quan môi trường.</p>	<p>Trong các năm học</p>	
--	----------------------	---	--------------------------	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	-----
C	Đạt	c	Đạt	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Khôi phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khôi phòng phục vụ học tập.

Mức 1

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi:

Trường có 12 phòng/12 nhóm lớp được xây dựng kiên cố, gồm 06 phòng có diện tích 60 m²/phòng, 06 phòng có diện tích 50 m²/phòng, vừa là phòng sinh hoạt chung vừa là phòng ngủ. [H3-3.2- 01]

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ:

Có 12 phòng sinh hoạt chung; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H3-3.2- 02]

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học:

Trong các phòng học, phòng chức năng, các khu vực hành lang ... có hệ thống đèn điện thấp sáng đảm bảo đúng theo quy định. Có đủ hệ thống quạt thoáng mát. Nhà trường có đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. [H3-3.2- 03]

Mức 2

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định:

Trường có 12 phòng sinh hoạt chung; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng:

Các phòng được trang bị hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

[H1-1.4- 04]

Mức 3

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc:

Nhà trường có 01 phòng âm nhạc được trang bị các thiết bị đàn, các biểu bảng, tranh ảnh... để hàng ngày trẻ được tham gia hoạt động. [H1-1.4- 05] .

2. Điểm mạnh:

Diện tích các phòng học, và các phòng chức năng được xây dựng thiết kế đảm bảo an toàn cho trẻ theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tất cả các phòng sinh hoạt đều được trang thiết bị đầy đủ bàn ghế, đồ dùng, đồ chơi phục vụ hoạt động học và dạy. Đồ dùng, đồ chơi, đa dạng, thu hút trẻ.

Có đầy đủ các hệ thống đường điện, quạt... đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

3. Điểm yếu:

Một số phòng sinh hoạt chung ở cs2 diện tích còn hẹp do xây dựng từ năm 2000.

Một số tủ, giá, kệ đựng đồ dùng, đồ chơi đã bị hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục làm tốt công tác XHHGD, tích cực tham mưu với cấp trên để bổ sung trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục ngày càng tốt hơn.	CBQL	Kế hoạch XHHGD; Tờ trình	Trong các năm học	

- Lập kế hoạch tu sửa, bảo dưỡng và bổ sung bàn ghế, kệ giá ở các nhóm lớp.	CBQL	Kiểm kê đồ dùng thiết bị.	Trong các năm học	
---	------	---------------------------	-------------------	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	-----
C	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định:

Nhà trường có các phòng hành chính theo quy định: 01 Văn phòng trường, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng hành chính quản trị, 02 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ. [H3-3.3- 01].

- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng:

Khối các phòng hành chính - quản trị của nhà trường có đủ trang thiết bị tối thiểu theo quy định như: Biểu bảng, bàn ghế, tủ đựng tài liệu... [H3-3.3- 02]

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự:

Trường có 02 khu vực để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn. [H3-3.3- 03]

Mức 2

a) Đảm bảo diện tích theo quy định:

Khối phòng hành chính - quản trị có diện tích đảm bảo diện tích theo quy định: Văn phòng trường có diện tích 50 m²; Phòng Hiệu trưởng diện tích 20 m²; Phòng phó Hiệu trưởng diện tích 15 m², phòng hành chính quản trị diện tích 15 m²; Phòng y tế diện tích 20 m²; Phòng bảo vệ có diện tích 10 m²

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi:

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non:

Nhà trường có đủ các phòng, đảm bảo theo về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã có đủ phòng chức năng, có diện tích đảm bảo theo quy định. Các phòng chức năng được trang bị tương đối các loại đồ dùng trang thiết bị tối thiểu, các loại thiết bị đều được thiết kế, sắp xếp phù hợp đảm bảo theo tính chất công việc theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Cả 2 cơ sở trường đều có nhà để xe có diện tích rộng rãi, an toàn bảo quản xe cho đội ngũ CBGV và an toàn với trẻ.

3. Điểm yếu:

Trang thiết bị một số phòng chức năng chưa đồng bộ, một số thiết bị cũ. Thiết bị, thuốc, dụng cụ y tế còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục có kế hoạch bổ sung mua sắm các trang thiết bị tại các phòng, trang thiết bị của phòng y tế.	CBQL	Kinh phí	Trong các năm học	3.000.000

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	c	Đạt	*	Không đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	-----	-----	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố:

Nhà trường có 2 bếp ăn/ 2 cơ sở được xây dựng kiên cố theo quy trình bếp 1 chiều. [H3-3.4- 01]

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm:

Có kho thực phẩm được phân chia thành 02 khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, gọn gàng, sắp xếp khoa học, hợp lý, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. [H3-3.4- 02]

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn: Trường có 2 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn trong 24h/24h theo quy định. H3-3.4- 03]

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non:

Trường có 02 bếp ăn với diện tích là 50 - 70m² /2 bếp được xây dựng kiên cố theo quy trình bếp 1 chiều, 2 cơ sở đều có khu vực để tiếp nhận thực phẩm sơ chế ban đầu. Có kho thực phẩm có phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn trong 24h/24h, có đầy đủ đồ dùng nhà bếp bằng nhôm và inox đảm bảo vệ sinh sạch sẽ và được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng. Các bếp có hệ thống phòng cháy chữa cháy, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. [H3-3.4- 04]

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non:

Bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn bếp một chiều: Bếp ăn thông thoáng, đủ ánh sáng; Tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; đồ dùng, dụng cụ được làm bằng inox dễ vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng; Có kho để bảo quản thực phẩm; Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; Có phương tiện đựng, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; các dụng cụ chứa đựng rác được làm chắc chắn, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. . [H3-3.4-1] ;

[H3-3.4-2]; [H3-3.4-3]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có 2 bếp ăn đúng quy cách và hợp vệ sinh đảm bảo bếp 1 chiều. Có đầy đủ đồ dùng, dụng cụ nấu ăn. Thường xuyên vệ sinh kho thực phẩm, có cửa chắn côn trùng. Xuất nhập thực phẩm công khai. Thực hiện công khai tài chính nghiêm túc theo quy định.

Hàng năm, trường ký hợp đồng mua bán thực phẩm sạch với các nhà cung cấp thực phẩm.

Nhân viên nuôi dưỡng được tập huấn kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nấu ăn, có ý thức tinh thần trách nhiệm cao trong việc giữ gìn vệ sinh đảm bảo ATVSTP. Trong nhiều năm các bếp nuôi có uy tín và đảm bảo an toàn tuyệt đối an toàn của trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số đồ dùng, trang thiết bị nhà bếp đã cũ như: Hệ thống hút mùi, nồi cơm ga, dụng cụ nhà bếp chưa inox hóa ...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Huy động kinh phí từ mọi nguồn để mua sắm, bổ sung, tu sửa trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ nhà bếp.	CBQL	Kinh phí	Đầu năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt

B	Đạt	-----	-----	-----	-----
C	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục qui định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ:

Nhà trường có các bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đúng quy định theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H3-3.5- 01]

- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ:

Nhà trường thường xuyên phát động giáo viên tích cực làm đồ dùng đồ chơi tự tạo từ các nguyên vật liệu phế thải phục vụ cho hoạt động dạy và học. Các loại đồ dùng đồ chơi tự làm đã đảm bảo tính giáo dục, phù hợp, an toàn cho trẻ. Một số đồ dùng, đồ chơi có chất lượng đã đạt giải khuyến khích trong hội thi đồ dùng, đồ chơi tự làm cấp thành phố. [H3-3.5- 02].

- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa:

Hằng năm định kỳ vào đầu năm học, đến cuối năm học nhà trường đều có thành lập ban kiểm kê các thiết bị đồ dùng hư hỏng và lập kế hoạch, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi vào đầu năm học mới. [H3-3.5-03].

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học:

Nhà trường có 03 máy tính BGH kế toán Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. [H3-3.5-04]

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định:

Nhà trường có 4 bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định. [H3-3.5-05]

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm:

Có các loại đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục do giáo viên, phụ huynh tự làm thông qua các hội thi làm thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ giảng dạy và các chuyên đề do cấp trên phát động như thiết bị đồ dùng đồ chơi phát triển thể chất, đồ dùng đồ chơi phát triển trí tuệ cho trẻ...[H3-3.5-06].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H3-3.5-07].

2. Điểm mạnh:

Phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ giảng dạy của đội ngũ CBGV luôn phát triển mạnh mẽ đảm bảo bền đẹp an toàn hấp dẫn trẻ trong các hoạt động học tập và vui chơi.

Giáo viên biết cách khai thác sử dụng hiệu quả vào hoạt động CSGD trẻ và thực hiện tốt chế độ bảo quản giữ gìn đồ dùng trang thiết bị của nhóm lớp.

Tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, cơ sở vật chất hàng năm và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn thiếu 08 danh mục đồ dùng, đồ chơi củ 8 lớp. Một số ĐDDC tự làm độ bền thấp, nhanh hỏng.

Một số danh mục đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư 34/2013/TT-BGDĐT tại một số lớp 4 tuổi, 3 tuổi, nhà trẻ còn thiếu hoặc đã cũ, hỏng.

Một số đồ dùng đồ chơi tự làm có niên hạn sử dụng ngắn, độ chính xác chưa cao và hạn chế về số lượng.

Do thời gian của giáo viên tại lớp chiếm nhiều nên việc nghiên cứu, sáng tạo và làm ra các sản phẩm từ các nguyên vật liệu phế thải còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản, đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp đồ dùng, đồ chơi. Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	Phụ Trách Hoàng Thị Minh Thu Và giáo viên các lớp, các phòng ban	Biên bản kiểm kê, bàn giao; Danh mục đồ dùng đồ chơi	Trong các năm học	
Làm tốt công tác tham mưu với các cấp và công tác XHHGD bổ sung thêm các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho nhà trường.	Phụ trách Trần Thị Thanh Huyền	Kế hoạch tham mưu; Tờ trình...	Trong năm học 2024 – 2025	
Tích cực vận động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ công tác CS-GD trẻ	Phụ Trách Nguyễn Thị Kim Chi và các giáo viên	Ban chi hội phụ huynh Phụ huynh	Trong các năm học	

Tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên trong công tác thiết kế, làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo.	Phụ trách Hoàng Thị Minh Thu, Dương Thị Thu Phương, Trần Thị Thảo..	Tài liệu, hình ảnh, ...đồ dùng, đồ chơi tự tạo	Trong năm học 2024-2025	
---	--	--	-------------------------	--

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Không đạt	*	Không đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	-----
C	Đạt	c	Đạt	-----	-----
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật:

Nhà trường có các phòng vệ sinh được xây dựng khép kín trong phòng nhóm lớp, hợp lý và tiện cho việc sinh hoạt đối với trẻ, có khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường. [H3-3.6-1]

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ:

Các khu đều đặt hệ thống cống rãnh thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; Có hệ thống téc nước inox đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. [H3-3.6-2]

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường:

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: Có thùng đựng và phân loại rác thải; có đầy đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường; Rác thải được thu gom hằng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.6-3]

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định:

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ: Đảm bảo 0,6- 10 m² cho một trẻ em; đối với trẻ em mẫu giáo có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. [H3-3.6-1].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế:

Hệ thống cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế : Bảo đảm đủ số lượng, chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; Có hệ thống thu gom và xử lý chất thải theo quy định: Có thùng đựng và

phân loại rác thải. bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong trường đảm bảo vệ sinh môi trường. [H3-3.6-2], [H3-3.6-3].

Mức 3: Không có chỉ báo

2. Điểm mạnh:

100% các lớp có công trình vệ sinh khép kín thuận tiện cho trẻ sử dụng.

100% các lớp có đầy đủ nước uống, nước sinh hoạt hàng ngày cho trẻ

Có đầy đủ đồ dùng đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu:

Một số thiết bị vệ sinh đã cũ. Hệ thống nước lâu ngày rò rỉ gây nên hiện tượng ngấm, dột...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	Ban giám hiệu, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	-----	-----
B	Đạt	b	Đạt	-----	-----
C	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

* **Điểm mạnh và điểm yếu nổi bật:**

- **Điểm mạnh:**

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch rất rõ ràng, hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định của điều lệ trường Mầm non đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

Diện tích sân chơi rộng rãi bằng phẳng, được trồng nhiều cây xanh, hoa cỏ tạo bóng mát; cây xanh, cây hoa thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa gọn gàng. Các loại đồ chơi ngoài trời đa dạng, phong phú về chủng loại, màu sắc hấp dẫn đảm bảo an toàn cho trẻ.

Có đủ số lượng phòng học, phòng chức năng, khối phòng hành chính – quản trị. Diện tích các phòng đảm bảo theo quy định. Các phòng đều được trang bị đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu, bàn ghế, phục vụ các hoạt động. Có đầy đủ hệ thống đèn điện, quạt mát đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố theo quy trình bếp 1 chiều. Có kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt. Bếp ăn có các điều kiện đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non-TCVN 3907 : 2011.

Có công trình vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ riêng. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đầy đủ trang thiết bị vệ sinh theo qui định. Sử dụng 100% nước sạch cho sinh hoạt và khu vệ sinh; việc thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu.

- Điểm yếu:

Đồ dùng học liệu, đồ chơi dành cho các lớp nhà trẻ, 3 - 4 tuổi mới đảm bảo đủ 60% theo quy định.

Cơ sở 2 sân chơi diện tích còn nhỏ nên ảnh hưởng đến việc bố trí các loại thiết bị đồ chơi ngoài trời do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT.

Một số đồ dùng đồ chơi tự làm có niên hạn sử dụng ngắn, độ chính xác chưa cao và hạn chế về số lượng.

Do thời gian của giáo viên tại lớp chiếm nhiều nên việc nghiên cứu, sáng tạo và làm ra các sản phẩm từ các nguyên vật liệu phế thải còn hạn chế.

Tổng số tiêu chí: 6

Số tiêu chí đạt: 6/6, trong đó:

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 6/6

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 5/6

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 0/6

Kết luận tiêu chuẩn 3 : Đạt mức 1

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu: Nhà trường đã xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Được sự quan tâm phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc quản lý và giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ GD&ĐT ban hành, là tổ chức hỗ trợ đắc lực nhà trường trong hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp tốt việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, cũng như việc đầu tư cơ sở vật chất ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Hằng năm, Ban đại diện CMHS của các lớp được bầu trong các cuộc họp phụ huynh đầu năm học theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện CMHS của mỗi lớp có 3 người gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 uỷ viên, Ban đại diện CMHS của trường gồm 12 thành viên. Trong Ban đại diện CMHS của trường cử ra 3 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 thư ký. Ban đại diện CMHS có tổ chức,

nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện CMHS, hoạt động thường xuyên có hiệu quả. [H4-4.1-01]

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học:

Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS. Hằng năm, Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động và báo cáo tổng kết hoạt động vào cuối mỗi năm học. Ban đại diện CMHS phối hợp cùng nhà trường xây dựng phong trào của từng lớp, của nhà trường góp phần giữ vững các tiêu chí của đơn vị trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 [H4-4.1-02].

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ:

Nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất với CMHS, tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS hoạt động. Mỗi năm, nhà trường tổ chức họp CMHS của trường, lớp thường kỳ 2 lần: Đầu năm học, cuối năm học để triển khai kế hoạch hoạt động của nhà trường, đánh giá kết quả hoạt động trong năm học; phối hợp với CMHS có biện pháp giáo dục HS, tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục HS; nhà trường cùng Ban đại diện CMHS giải quyết các kiến nghị của CMHS; góp ý kiến để nâng cao hiệu quả của Ban đại diện CMHS. [H4-4.1-03].

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ:

Ban đại diện CMHS thường xuyên phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện tốt chương trình, kế hoạch chăm sóc, giảng dạy của nhà trường và thực hiện có hiệu quả các hoạt động trong từng thời gian do Ban đại diện cha, mẹ học sinh trường đề ra.

Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền chủ trương, chính sách về giáo dục mầm non, về quy tắc văn hóa ứng xử trong giao tiếp đối với cha, mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên của trường nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh; phối hợp với nhà trường trong việc xây

dụng phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ một cách toàn diện; giúp đỡ trẻ em nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thay mặt cha, mẹ học sinh toàn trường cùng nhà trường thăm hỏi, động viên đối với các cháu bị bệnh hiểm nghèo, tại nạn rủi ro; Tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến, thông tin của phụ huynh học sinh để kịp thời phản ánh, trao đổi với ban giám hiệu nhà trường có biện pháp giải quyết kịp thời. [H4-4.1-04]

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ năm học: Đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ đến trường, đạt chuẩn phổ cập trẻ em 5 tuổi, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giúp đỡ học sinh nghèo. [H4-4.1-04]

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS thường xuyên quan tâm đến các hoạt động, phong trào của lớp, của trường, từ đó đã đẩy mạnh hoạt động của nhà trường, đặc biệt là công tác xã hội hóa giáo dục để bổ sung, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Thông tin hai chiều giữa cha mẹ học sinh với giáo viên phụ trách lớp thường xuyên được duy trì tốt. Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình sinh hoạt định kỳ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để thông tin, bàn bạc và thống nhất cách thức tổ chức và hoạt động, góp phần thúc đẩy phong trào giáo dục của nhà trường ngày một phát triển.

3. Điểm yếu:

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ còn hạn chế.

Trong các buổi họp CMHS, một số CMHS còn vắng mặt do đi làm ăn xa chính vì thế chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp giáo dục giữa CMHS với giáo viên chủ nhiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
<p>- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ trẻ đề ra.</p>	<p>Ban giám hiệu. Giáo viên</p>	<p>Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với CMHS.</p>	<p>Trong các năm học</p>	
<p>- Chọn cử những thành viên thường xuyên có mặt ở nhà có tinh thần trách nhiệm và khả năng giao tiếp để tuyên truyền vận động tới cộng đồng về công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường mầm non tham gia Ban đại diện CMHS. Điều chỉnh quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ hàng năm cho phù hợp.</p>	<p>Ban giám hiệu. Giáo viên</p>	<p>Không</p>	<p>Trong các năm học</p>	
<p>- Nhà trường thông báo kế hoạch và lựa chọn thời gian hợp lý khi tổ chức các buổi họp để CMHS có mặt đầy đủ; xây dựng kế hoạch triển khai sổ liên lạc điện tử để GV chủ nhiệm</p>	<p>Ban giám hiệu. Giáo viên</p>	<p>Kế hoạch họp PHHS.</p>	<p>Trong các năm học</p>	

thường xuyên liên lạc với CMHS cùng kết hợp nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh và các nội dung hoạt động trong nhà trường.				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-----	-----	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2 : Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch năm học, tờ trình đề xuất với UBND phường về các hoạt động lớn trong năm học. Trên cơ sở đó địa phương đã chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường với các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức ban ngành đoàn thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ của năm học, nâng cao chất lượng giáo dục. [H4-4.2- 01]

b). Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường:

Hàng năm nhà trường có tổ chức các hoạt động hướng dẫn tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua đài phát thanh, các ngày hội, ngày lễ, các buổi họp các ban ngành đoàn thể, hội phụ nữ... [H4-4.2- 02]

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định:

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài, các cá nhân, các công ty, doanh nghiệp để góp phần huy động sức người, sức của ủng hộ trang thiết bị, cảnh quan môi trường, đồ dùng phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn. [H4-4.2- 03]

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển:

Nhà trường tích cực tham mưu với Đảng ủy - UBND phường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo tốt cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. [H4-4.2- 04]

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Phối hợp với Trạm y tế phường tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, phòng chống suy dinh dưỡng. Phối hợp với hội phụ nữ tuyên truyền vận động học sinh ra lớp đúng độ tuổi, tuyên truyền cách nuôi dạy con theo khoa học; phối hợp với công an phường, đoàn thanh niên phường, hội cựu chiến binh phường, Mặt trận tổ quốc phường, các ban ngành đoàn thể tổ chức ngày hội ngày lễ cho trẻ, ủng hộ kinh phí tặng quà nhân dịp tết thiếu nhi 1/6, tổng kết năm học, tham gia ủng hộ cây ăn quả, cây bóng mát và chăm sóc vườn hoa cây cảnh nhằm xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.. [H4-4.2- 05]

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương:

Nhà trường đã có kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh:

Các tổ chức đoàn thể địa phương nhiệt tình, luôn quan tâm ủng hộ phong trào của nhà trường với nhiều hoạt động thể hiện tình cảm và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với thế hệ trẻ, tạo cho trẻ có môi trường giáo dục lành mạnh.

Mọi hoạt động của nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và cá nhân nên đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu:

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc vận động, huy động các nguồn lực để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục	Ban giám	Tờ trình, báo	Trong năm	

tham mưu với cấp ủy đảng chính quyền, các cấp lãnh đạo để tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng chiến lược phát triển của Nhà trường	hiệu,	cáo, kế hoạch...	học	
- Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội... trong việc đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà trường.	Cán bộ giáo viên nhà trường và phụ huynh học sinh	Dựa vào điều kiện và tình hình thực tế của nhà trường	Trong năm học và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

*** Điểm mạnh và điểm yếu nổi bật:**

- Điểm mạnh:

+ Nhà trường đã xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục mầm non. Công tác tham mưu được đẩy mạnh, được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm tập trung đầu tư CSVC, thiết bị và các điều kiện cho nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. .

+ Các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, các tập thể, cá nhân và phụ huynh học sinh đã phối kết hợp chặt chẽ cùng nhà trường “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” cùng góp sức xây dựng môi trường giáo

dục lành mạnh, động viên quá trình phấn đấu thi đua của cô và trò nhà trường, giúp cho nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục các năm học .

+ Công tác XHHGD được phát huy mạnh mẽ tạo nguồn kinh phí đầu tư CSVC, các trang thiết bị ĐDDC đáp ứng yêu cầu hiện nay.

- Điểm yếu:

+ Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ còn hạn chế.

+ Một số phụ huynh còn đi làm ăn nơi xa nên việc trao đổi trực tiếp tình hình học tập của học sinh chưa được thực hiện thường xuyên.

Số tiêu chí đạt: 2/2, trong đó

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 2/2

+ Số tiêu chí đạt mức 2: 2/2

+ Số tiêu chí đạt mức 3: 0/2

Kết luận tiêu chuẩn 4: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu: Nhà trường luôn xác định hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để từ đó xác định các nhiệm vụ khác theo định hướng tập trung các điều kiện nhân lực, vật lực đảm bảo chất lượng hiệu quả tốt nhất. Luôn đảm bảo 100% số trẻ đến trường được an toàn về thể chất tinh thần, được phát triển bình thường khỏe mạnh theo độ tuổi. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ được giáo viên phụ trách các nhóm, lớp đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non

Mức 1

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non theo kế hoạch.
- b) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường.
- c) Định kỳ, rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non đảm bảo chất lượng.
- b) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hoá địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo thông tư số 51/2020/TT – BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi theo TT số 17/2009/TT- BGDĐT ngày 25/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bổ sung bởi thông tư số 28/2016/TT – BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong năm học dựa vào khung phân bố thời gian của Bộ Giáo dục - Đào tạo và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm học của nhà trường. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục và các chuyên đề trọng tâm được hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch chỉ đạo chuyên môn của nhà trường, các nhóm/lớp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình theo kế hoạch. [H5-5.1- 01]

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường:

Căn cứ chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và đặc điểm của các độ tuổi nhà trường đã cùng với các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chương trình Giáo dục mầm non cho các độ tuổi theo 4 lĩnh vực phát triển của trẻ nhà trẻ và 5 lĩnh vực phát triển của trẻ Mẫu giáo. Các mục tiêu được xây dựng từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp và lồng vào các hoạt động phù hợp với độ tuổi. Khối mẫu giáo 5 tuổi thực hiện theo 10 chủ đề, Khối 3;4 tuổi thực hiện theo 9 chủ đề; Khối nhà trẻ

thực hiện theo 10 chủ đề. Kế hoạch được thảo luận và thống nhất trước khi chỉ đạo các tổ triển khai thực hiện. [H5-5.1- 02]

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp:

Sau mỗi chủ đề giáo viên đánh giá kết quả các mục tiêu đạt được; những mục tiêu còn hạn chế và căn cứ vào các phiếu đánh giá cuối chủ đề để rà soát các nội dung đã thực hiện trong chương trình ở các độ tuổi xem các nội dung có phù hợp với kết quả mong đợi hay chưa? Còn có những bất cập gì? Đề bổ sung, thay đổi phù hợp hơn. [H5-5.1- 03]

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng:

Nhà trường đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục đã xây dựng và triển khai thực hiện chương trình ở các độ tuổi theo các chủ đề. 100% số lớp thực hiện tốt nội dung chương trình. Trẻ có các kỹ năng hoạt động tốt. Tỷ lệ trẻ đạt ở các độ tuổi từ 81%-100% các lĩnh vực. Đặc biệt lĩnh vực phát triển thể chất khối 5 tuổi đạt 100%, khối 4 tuổi đạt 95%. Kết quả khảo sát ở lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội đạt 80% ở khối nhà trẻ. [H5-5.1- 04]

b)) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ:

Trên kế hoạch khung của Bộ giáo dục Đào tạo, nhà trường đã dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và các đặc điểm của độ tuổi để phát triển thành bộ kế hoạch giáo dục đảm bảo tính kế thừa và phát triển nhằm nâng cao tính tư duy, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ có các hoạt động thực sự lấy trẻ làm trung tâm. Các mục tiêu lựa chọn phù hợp với đặc điểm của trẻ. Lồng ghép các hoạt động lễ hội phù hợp với văn hoá truyền thống: Tết trung thu, Tết Nguyên đán, ngày 20/10, ngày 20/11, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, tết thiếu nhi. H5-5.1- 05]

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong

khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương:

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đồng thời nghiên cứu, tham khảo, tiếp cận phương pháp giáo dục Stem vào chương trình giáo dục của trẻ lứa tuổi MG theo đúng quy định, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Hiện các lớp mẫu giáo đã trang trí góc stem và trang bị được các đồ dùng để trẻ hoạt động và chế tạo sản phẩm. [H5-5.1-01], [H5-5.1-05]

b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ:

Vào tháng 5 hàng năm nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường và có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cho năm học tiếp theo. [H5-5.1-03]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường.

Nhà trường thực sự quan tâm đến việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Tích cực bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, dự giờ theo các tổ khối để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình.

Tạo môi trường giáo dục thân thiện, phù hợp với chủ đề giáo dục. Có đồ dùng đồ chơi phong phú, nguyên vật liệu đa dạng hấp dẫn trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu

Việc áp dụng phương pháp giáo dục Stem trong nhà trường chưa thực sự hiệu quả do giáo viên chưa được đào tạo, bồi dưỡng; kinh phí đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị theo chương trình mới còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng kế hoạch giáo dục, điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	BGH, CB, GV, NV	Tài liệu tập huấn về chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ.	Trong năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo	
Tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục, xây dựng các hoạt động giáo dục theo hướng khám phá, trải nghiệm, thay đổi hình thức để thu hút sự tham gia của trẻ...	BGH, GV		Trong năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo	
Tiếp tục tham khảo, nghiên cứu đưa vào thực hiện những nội dung chương trình giáo dục của một số nước trong khu vực và trên thế giới theo đúng quy định, phù hợp với thực tế của nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc - giáo dục trẻ.	BGH, TTCM, GV	Tài liệu tập huấn nội dung chương trình giáo dục của các nước	Trong năm học 2025 - 2025 và các năm học tiếp theo	
Tham mưu, đầu tư kinh phí mua sắm, bổ sung trang thiết bị theo chương trình mới cho các nhóm lớp.	BGH		Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	---	---	---	

Đạt	Đạt	Không đạt
-----	-----	-----------

Kết quả: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường:

Dựa trên kế hoạch giáo dục các độ tuổi. Giáo viên đã tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như: Quan sát- đàm thoại, giảng giải- thuyết trình, động viên- khuyến khích, tình cảm- khích lệ, nêu gương, đánh giá... nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và tổ chức hoạt động linh hoạt mang lại hiệu quả; Phù hợp với mục tiêu và nội dung giáo dục thực sự lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp đặc điểm phát triển của độ tuổi và với điều kiện của nhà trường. [H5-5.1-01]

- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm:

Môi trường giáo dục trong lớp học được giáo viên thiết kế dựa trên các chủ đề. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi để tạo môi trường một cách linh hoạt. Các góc chơi được bố trí góc động xa góc tĩnh. Có nhiều các nguyên vật liệu

để trẻ thực hành trải nghiệm theo ý thích nhưng phù hợp với chủ đề và phù hợp với độ tuổi. Quan tâm chú trọng đến góc thực hành các kỹ năng sáng tạo như, tô, vẽ, xé dán, lắp ráp các sản phẩm theo ý thích. [H5-5.2- 01]

Môi trường hoạt động ngoài lớp cũng được nhà trường quan tâm đầu tư về kinh phí để tạo các khu vui chơi trải nghiệm thực sự đạt hiệu quả. Khu vực phát triển vận động được thiết kế mái che kiên cố. Bố trí các thiết bị phát triển vận động cho trẻ hoạt động hàng ngày theo ý thích và hoạt động vận động cơ bản. Trẻ trải nghiệm khi chơi ở góc thiên nhiên; chăm sóc vườn hoa, tưới cây, gieo hạt, chơi với nước. [H5-5.2- 01]

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế:

Các hoạt động giáo dục được đa số giáo viên tổ chức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của lớp, của học sinh. Phù hợp với mục đích và nội dung giáo dục: Tổ chức hoạt động theo chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ hay các hoạt động tổ chức lễ hội, tổ chức mừng sinh nhật. Tùy vào mục đích và nội dung giáo dục mà giáo viên lựa chọn vị trí không gian hoạt động khác nhau. Các hoạt động có thể tổ chức theo nhóm, tập thể hay cá nhân nhằm kích thích sự hứng thú của trẻ và mang lại hiệu quả thiết thực. H5-5.1- 02]

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế:

Từ môi trường hoạt động đã được thiết kế nhà trường đã chỉ đạo khối mẫu giáo thường xuyên tổ chức các hoạt động tạo cho trẻ được thực hành, trải nghiệm. Ngoài các giờ hoạt động ngoài trời, nhà trường còn tổ chức cho trẻ các buổi trải nghiệm thông qua các ngày hội ngày lễ: Ngày tết trung thu, tết nguyên đán, Ngày 8/3... Tại các ngày lễ hội, trẻ được trải nghiệm các hoạt động làm nhiều loại bánh khác nhau sau đó được thưởng thức món ăn của mình làm ra. [H5-5.2- 02]

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”:

Tổ chức môi trường trong và ngoài lớp phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. Ở các lớp mỗi góc chơi đều được thiết kế theo hướng mở, trẻ có thể tháo lắp dễ dàng như góc làm quen với chữ cái của khối 5 tuổi, góc khám phá khoa học. Các nguyên vật liệu mở được sắp xếp dễ thấy, dễ lấy, giúp trẻ hứng thú trong hoạt động vui chơi học tập, ở các góc chơi trẻ có nhiều cơ hội vui chơi trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Ví dụ như ở góc khám phá khoa học trẻ được chơi với các thỏi nam châm và nhận thấy nam châm có thể hút sắt, không thể hút được các vật liệu khác. Hay với khu vui chơi khám phá âm thanh ngoài trời, trẻ dùng những thanh gỗ để gõ vào những lon bia, hộp bánh, chai nhựa tạo ra những âm thanh ngộ nghĩnh vui tai từ đó giúp trẻ nhận biết mỗi chất liệu có sẽ tạo ra các âm thanh khác nhau; cùng chất liệu những độ mỏng dày khác nhau thì âm thanh tạo ra cũng khác nhau. [H5-5.2- 02]

2. Điểm mạnh:

Bằng sự tâm huyết, tận tình cộng với sự say mê sáng tạo giáo viên đã tạo ra môi trường giáo “lấy trẻ làm trung tâm”. Đã tạo ra nhiều sản phẩm, các nguyên liệu để kích thích sự hứng thú của trẻ. Các hoạt động giáo dục được tổ chức linh hoạt phù hợp chủ yếu dưới hình thức chơi giúp trẻ “ học bằng chơi, chơi mà học”.

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường giáo dục ảnh hưởng rất lớn đối với trẻ. Nhà trường đã đầu tư kinh phí, chỉ đạo giáo viên bố trí, tạo ra các khu vực vui chơi trải nghiệm cho trẻ.

3. Điểm yếu:

Kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp nên công tác cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các thiết bị chơi ở các góc trải nghiệm cho trẻ ngoài trời còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục, thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục, đa dạng các hoạt động giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	BGH, GV		Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
Tiếp tục tổ chức tốt các ngày lễ hội, tham quan, dã ngoại cho trẻ phù hợp với điều kiện của trường, nhóm/lớp.	BGH, GV kết hợp với phụ huynh học sinh.	Giáo viên, trẻ và cha mẹ học sinh	Năm học 2025-2025 và các năm học tiếp theo	
Khuyến khích, động viên giáo viên chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ làm đồ dùng, đồ chơi, tạo môi trường trong và ngoài lớp học cho trẻ.	Cán bộ, giáo viên.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
Làm tốt công tác tham mưu, huy động các nguồn lực để duy trì và xây dựng môi trường giáo dục, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị cho trẻ hoạt động.	BGH	Nhà trường, giáo viên, cha mẹ học sinh	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	
Làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường và công tác tuyên truyền cho cha mẹ và cộng đồng phòng, chống dịch bệnh.	Cán bộ, giáo viên.	Tranh ảnh, tài liệu tuyên truyền	Năm học 2025-2025 và các năm học tiếp theo theo diễn biến của dịch bệnh.	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-

Đạt	Đạt	Không đạt
-----	-----	-----------

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ:

Hàng năm nhà trường đã kết hợp với trạm y tế phường khám sức khỏe và tư vấn sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm. [H5-5.3- 01]

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định:

100% trẻ đến trường được kiểm tra và khám sức khỏe 2 lần/ năm. Cân đo và theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. [H5-5.3- 02]

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học:

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình Giáo dục mầm non để giúp trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi và hạn

chế tốc độ tăng cân. Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và hạn chế tốc độ tăng cân, đảm bảo sức khỏe cho trẻ béo phì. Có 80% trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi. [H5-5.3- 03]

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ:

Vào đầu năm học nhà trường đã tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ và người giám hộ về nội dung chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ kết hợp với hợp triển khai công tác năm học. Tư vấn về vệ sinh phòng bệnh theo mùa, không đưa trẻ đến trường khi trẻ ốm và bị bệnh truyền nhiễm. Tuyên truyền về khẩu phần thực đơn và định lượng của trẻ theo quy định tại chương trình giáo dục mầm non. Phối hợp công tác đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ. [H5-5.3- 04]

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định:

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn bán trú theo quy định của chương trình giáo dục mầm non. Thực đơn được thay đổi theo mùa và thực hiện tuần 1, tuần 3 một thực đơn; tuần 2, tuần 4 một thực đơn. Thực đơn đảm bảo cân bằng các chất, thực phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và phù hợp với sở thích của trẻ. Hàng tháng tính khẩu phần ăn để cân đối tỷ lệ các chất và có biện pháp bổ sung, thay thế thực phẩm cho phù hợp. [H5-5.3- 05]

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học:

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình Giáo dục mầm non. Tính khẩu phần ăn để cân đối lượng thực phẩm hàng ngày cho trẻ đảm bảo tỷ lệ giữa các chất giúp trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi và hạn chế tốc độ tăng cân. Với những trẻ thừa cân béo phì cho trẻ tập thêm các bài tập vận động giúp phát triển khỏe mạnh và hạn chế tăng cân. Xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và hạn chế tốc độ tăng cân, đảm bảo sức khỏe cho trẻ béo phì. Có 80% trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi. [H5-5.3- 02] , [H5-5.3- 03]

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường:

100% trẻ được cân đo và khám sức khỏe định kỳ. Trong đó có 340/347 trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 98 %. [H5-5.3- 02]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Phối hợp chặt chẽ với y tế phường để thăm khám sức khỏe cho trẻ định kỳ cho trẻ. Nhà trường và các lớp đã làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường.

Công tác nuôi ăn bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. Số trẻ suy dinh dưỡng giảm hàng năm, hạn chế được tốc độ tăng cân của trẻ thừa cân béo phì.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh chưa có sự quan tâm trong việc chăm sóc dinh dưỡng để cải thiện cân nặng, chiều cao cho trẻ, do đó việc phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường để điều chỉnh chế độ dinh dưỡng cho trẻ hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với y tế địa phương, tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên, nhân viên về cách nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ theo khoa học, phòng chống tai nạn - thương tích cho trẻ.	BGH, GV	Kết hợp gia đình, cơ sở y tế địa phương	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	
Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các biện pháp phù hợp, hiệu quả nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng/béo phì trong nhà trường	Cán bộ, giáo viên	Kết hợp gia đình, cơ sở y tế địa phương	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	

Tăng cường tuyên truyền kiến thức nuôi dạy trẻ để nâng cao chất lượng dinh dưỡng cho trẻ tại gia đình qua góc tuyên truyền của nhà trường, nhóm/ lớp; loa phát thanh của phường.	Cán bộ, giáo viên	Liên hệ đài phát thanh phường, mạng xã hội	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo
--	-------------------	--	--

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%, trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi:

Nhà trường thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng. Cơ sở vật chất đầy đủ và khang trang tạo sự tin tưởng của các bậc phụ huynh đưa trẻ đến trường nên tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt cao. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường là 80/80 trẻ đạt 100%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đến trường là 168/168 trẻ đạt 100%. [H5-5.4- 01]

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%:

Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%. [H5-5.4- 02]

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân:

Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân: Nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi:

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ đạt cao. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường là 80/80 trẻ đạt 100%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi đến trường là 168/168 trẻ đạt 100%. [H5-5.4- 01]

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%:

Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%. [H5-5.4- 02]

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%:

Nhà trường không có trẻ khuyết tật.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

Hàng năm tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%. [H5-5.4- 02]

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%:

Nhà trường không có trẻ khuyết tật.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Cơ sở vật chất được xây dựng khang trang, được trang bị các thiết bị dạy học đảm bảo phù hợp đã thu hút tỷ lệ trẻ đến trường cao.

- Nhà trường dành sự quan tâm đặc biệt tới những trẻ có hoàn cảnh khó khăn: Thăm hỏi động viên về vật chất cũng như tinh thần khi các cháu nằm viện.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ nhà trẻ chiếm tỷ lệ rất thấp ở các tháng rét đậm, rét hại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tuyên truyền phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của GDMN để PHHS đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, không cho trẻ nghỉ tự do để đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.	BGH GV	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp PHHS	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt

c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

*** Điểm mạnh và điểm yếu nổi bật:**

Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo qui định. Có tham khảo phương pháp giáo dục tiến tiến trên thế giới vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường đã thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện của nhà trường. Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, vui chơi, trải nghiệm cho trẻ với phương châm “Chơi mà

học, học bằng chơi” phù hợp với từng lứa tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường.

Duy trì và tổ chức tốt các giờ hoạt động ngoại khóa huy động sự tham gia nhiệt tình của đông đảo phụ huynh và trẻ. Nhà trường có sân chơi sắp xếp khoa học thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tập thể dục buổi sáng... có bố trí các góc hoạt động khác nhau như góc dân gian, góc âm nhạc ngoài trời, góc thư viện ngoài trời, góc kỹ thuật.... sao cho trẻ vừa cảm nhận được sự thân thiện, vừa kích thích trẻ hoạt động. Các góc hoạt động này không chỉ tạo điều kiện, cơ hội an toàn cho trẻ vui chơi, học tập mà còn là môi trường sống lành mạnh, an toàn, nơi đó trẻ phải được đối xử công bằng, được quan tâm chăm sóc, giáo dục, kích thích trí tò mò ham học hỏi của trẻ từ đó trẻ tích cực tham gia vào quá trình học tập thể phát triển nhận thức một cách toàn diện.

Trẻ được tiêm vacxin, uống vitamin A và khám sức khỏe theo định kỳ, thực hiện chế độ ăn hợp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của trẻ.

Trẻ nhanh nhẹn, khoẻ mạnh, tự tin, mạnh dạn trong mọi hoạt động. Trẻ đi học đều tỷ lệ chuyên cần của các độ tuổi đạt từ 90% - 96%

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt mức tối đa 100%

Điểm yếu:

Kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp nên công tác cải tạo, sửa chữa và nâng cấp các thiết bị chơi ở các góc trải nghiệm cho trẻ ngoài trời còn hạn chế.

Một số phụ huynh chưa có sự quan tâm trong việc chăm sóc dinh dưỡng để cải thiện cân nặng, chiều cao cho trẻ, do đó việc phối kết hợp giữa gia đình và nhà trường để điều chỉnh chế độ dinh dưỡng cho trẻ hiệu quả chưa cao.

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ chưa cao.

Số tiêu chí đạt: 4/4 Trong đó:

Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4

Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4

Số tiêu chí đạt mức 3: 2/4

Kết luận tiêu chuẩn 5: Đạt mức 2

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG THUỘC MỨC 4

1. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

Tự đánh giá: Không đạt

2. Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: Không đạt

3. Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

Tự đánh giá: Không đạt

4. 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ.

Tự đánh giá: Không đạt

5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Tự đánh giá: Không đạt

6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Tự đánh giá: Không đạt

* Số lượng các tiêu chí đạt yêu cầu: $0/6 = 0\%$;

III. KẾT LUẬN CHUNG

1. Những điểm mạnh:

Với sự cố gắng nỗ lực không ngừng vươn lên, cùng với sự đoàn kết thống nhất của hội đồng sư phạm trường mầm non Hoa Mai trong nhiều năm qua đã đạt được nhiều thành tích trong công tác chăm sóc giáo dục và các hoạt động phong trào được các cấp, các ngành đánh giá tốt, tạo được uy tín và niềm tin đối với các bậc phụ huynh và nhân dân trong địa bàn phường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ hóa, nhiệt tình tâm huyết nêu cao tinh thần trách nhiệm, luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo, mẫu mực phát huy khả năng không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ứng dụng CNTT giúp cho việc đẩy mạnh chất lượng nuôi dưỡng giáo dục ngày càng có chiều sâu, đáp ứng yêu cầu GDMN hiện nay.

Công tác quản lý luôn đổi mới sáng tạo, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ, nghiêm túc siết chặt kỷ cương, kỷ luật lao động, nội quy, quy chế chuyên môn.

Công tác tuyên truyền, XHHGD luôn được phát huy mạnh mẽ. Nhà trường đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể, cha mẹ học sinh ủng hộ nhiệt tình bằng tinh thần cũng như vật chất giúp cho nhà trường có thêm nguồn lực đầu tư CSVC trang thiết bị đáp ứng với tiêu chuẩn trường.

2. Những tồn tại:

Nhận thức của giáo viên không đồng đều, một số giáo viên mới vào ngành kinh nghiệm chuyên môn còn hạn chế.

Nhà trường chưa được biên chế nhân viên y tế mà phối hợp với trạm y tế phường nên còn gặp khó khăn trong công tác chăm sóc sức khỏe trẻ.

Hiện nay chế độ đãi ngộ đối với giáo viên trường mầm non đã từng bước được nâng cao, nhưng chế độ đối với đội ngũ nhân viên của trường mầm non vẫn còn hạn chế, chưa tương xứng với thời gian, công sức của họ dành cho sự nghiệp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục:

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trường mầm non Hoa Mai phát huy những thành tích đã đạt được làm nền tảng vững chắc phấn đấu để trường được hoàn thiện hơn trong các năm tiếp theo.

Duy trì xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong tập thể sư phạm nhà trường. Tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên được tham dự đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức. Đặc biệt chú trọng tới công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao tay nghề.

Tích cực động viên cán bộ, giáo viên tự học và bồi dưỡng để đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục và cách thức làm việc cho phù hợp với yêu cầu hiện nay. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, dự giờ thăm lớp để nắm bắt tình hình hoạt động hằng ngày, có kế hoạch điều chỉnh kịp thời những tồn tại, đồng thời làm tốt công tác quản lý chặt chẽ đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần của trẻ, CBGV, NV và tài sản chung của nhà trường.

Thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn của trường công lập, yêu cầu 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN sau sửa đổi theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Xây dựng tiêu chí thi đua có tính dân chủ công khai để đẩy mạnh quá trình phấn đấu của cán bộ giáo viên thi đua thực hiện tốt kỷ cương, kỷ luật lao động, nội quy, quy chế chuyên môn của nhà trường.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác tham mưu, công tác XHHGD tới các cấp, các ngành và toàn xã hội.

Tăng cường tuyên truyền tới các bậc phụ huynh để xây dựng nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ, bổ sung CSVC, trang thiết bị hiện đại nhằm xây dựng môi trường thân thiện “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, đáp ứng sự mong đợi của các bậc phụ huynh và nhân dân trong phường.

4. Tự đánh giá:

- Căn cứ vào những điểm mạnh theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định CLGD, trường mầm non Hoa Mai tự đánh giá đạt 25/25 **tiêu chí mức 1** đạt tỷ lệ 96%.

- Mức đánh giá của cơ **sở giáo dục: Đạt mức 1**

5. Đề nghị:

- Cơ sở giáo dục : Đạt mức 1

Trên đây là báo cáo tự đánh giá về công tác kiểm định chất lượng giáo dục tại thời điểm tháng 5 năm 2024 của trường mầm non Hoa Mai thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

TP. Nam Định, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để B/c)
- HĐTĐG (để biết)
- Lưu VP./.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Huyền